

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09/8/2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Dhiều Hmok và ông Bùi Ngọc Khánh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2024, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 17/4/2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Tuyết M, sinh năm 2000 – có mặt

Địa chỉ: Số A L, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ Tuấn A, sinh năm 1991 – vắng mặt

Địa chỉ: Số B T, tổ dân phố D, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tuyết M trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Vũ Tuấn A tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 10/10/2022. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về vấn đề làm kinh tế, về các vấn đề trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Vũ Tuấn A.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị chưa có con chung

Về tài sản: Chị và anh Nguyễn Vũ Tuấn A tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Vũ Tuấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân chị Huỳnh Thị Tuyết M được ly hôn với anh Nguyễn Vũ Tuấn A; Về con chung không có con chung; về tài sản: Chị và anh Nguyễn Vũ Tuấn A tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 04/3/2024, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và đơn yêu cầu lựa chọn thủ tục hòa giải tại Tòa án, ngày 07/3/2024 Tòa án thông báo về việc chuyển vụ việc sang hòa giải và quyết định chỉ định hòa giải viên; ngày 08/4/2024 Hòa giải viên lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, chuyển vụ kiện sang Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung; ngày 10/4/2024 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 16/4/2024 nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí; ngày 17/4/2024 nguyên đơn nộp biên lai thu tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Vũ Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Tuyết M và anh Nguyễn Vũ Tuấn A là tự nguyện và hợp pháp có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk ngày 10/10/2022. Sau khi kết hôn, chị Huỳnh Thị Tuyết M và anh Nguyễn Vũ Tuấn A sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về vấn đề làm kinh tế, về các vấn đề trong cuộc sống. Theo trình bày của Chị M và kết quả xác minh

tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Huỳnh Thị Tuyết M và anh Nguyễn Vũ Tuấn A thì, chị Huỳnh Thị Tuyết M và anh Nguyễn Vũ Tuấn A đã sống ly thân.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Tuyết M và anh Nguyễn Vũ Tuấn A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Huỳnh Thị Tuyết M ly hôn anh Nguyễn Vũ Tuấn A là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị Huỳnh Thị Tuyết M và anh Nguyễn Vũ Tuấn A chưa có con chung nên không xem xét giải quyết

[4.3] Về tài sản: Chị Huỳnh Thị Tuyết M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 9, điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào Điều 9, điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tuyết M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Tuyết M được ly hôn với anh Nguyễn Vũ Tuấn A.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Tuyết M và anh Nguyễn Vũ Tuấn A chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản: Chị Huỳnh Thị Tuyết M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 001446 ngày 16/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Anh